

Vista View Middle School

2022-2023 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường
(Xuất bản trong năm học 2023-2024)



Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

Tổng quan



Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường học công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web về LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng thông tin Trường học California (Bảng thông tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học sinh. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2023 – 2024

Tên Trường	Vista View Middle School
Đường	16250 Hickory Street
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	Fountain Valley, CA 92708
Số điện thoại	(714) 842-0626
Hiệu trưởng	Rasheedah Gates
Địa chỉ Email	rgates@ovsd.org
Trang web của Trường	https://www.ovsd.org/vista
Mã Học khu của Quận (CDS)	30-66613-6068613

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2023-24

Tên Học khu	Ocean View School District
Số điện thoại	(714) 847-2551
Giám đốc	Dr. Michael Conroy
Địa chỉ Email	mconroy@ovsd.org
Trang web Học khu	www.ovsd.org

Mô tả và Tuyên bố sứ mệnh của nhà trường năm học 2023 – 2024

Vista View serves 670 students in grades six through eight. We are a school that follows a PBIS (positive behavior interventions and support) framework. At Vista View, our Falcons S.O.A.R. Central to our educational program is a commitment to modeling, teaching, and honoring the values of S.O.A.R:

- Safety first
- On time, On task, Organized
- Academic Excellence
- Respectful and Responsible

We teach these values within a community environment where students are safe, comfortable, and accepted. Students are valued as individuals, taught how to team with peers, and pushed to reach academic and social milestones. As a staff, we believe that all students can succeed academically and we have a culture that celebrates student success.

District & School Profile

Vista View Middle School is located in the western region of Fountain Valley and serves students in grades six through eight following a traditional calendar. The Ocean View School District is located in western Orange County and serves over 7,000 students from prekindergarten through eighth grade. Ocean View School District is dedicated to educational excellence and the continuous academic growth of all students, which supports its motto: "Connections before Content."

Giới thiệu về Trường

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023

Cấp lớp	Số Học sinh
Lớp 6	210
Lớp 7	205
Lớp 8	173
Tổng Ghi danh	588

2022-23 Student Enrollment by Student Group

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	49.7%
Nam	50.3%
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.5%
Người gốc Châu Á	27.7%
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	1.4%
Người Phi Luật Tân	0.5%
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	55.1%
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	0.5%
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	3.6%
Người Da trắng	10.2%
Sinh viên nói tiếng anh	29.4%
Những đứa con nuôi	0.3%
Vô gia cư	10%
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	78.1%
Học sinh khuyết tật	17.2%

A. Điều kiện Học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	22.2	96.5	340.90	98.213	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0	0	1	0.003	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0	0	0	0	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.8	0.03	5.2	0.015	12115.80	4.41
Không xác định	0	0	0	0	18854.30	6.86
Tổng số vị trí giảng dạy	23	100	347.10	100	274759.10	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	20	86.95	307.6	96.06	234405.20	84.00
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	1	0.04	2	0.006	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0	0	0	0	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	2	0.09	10.6	0.033	11953.10	4.28
Không xác định	0	0	0	0	15831.90	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	23	100	320.20	100	279044.80	100.00

CDE đã công bố dữ liệu giáo viên có sẵn năm đầu tiên cho SARC năm học 2020 – 2021 vào tháng 6 năm 2022 và CDE đã công bố dữ liệu năm thứ hai cho SARC năm học 2021 – 2022 vào tháng 6 năm 2023. Mục 33126(b)(5) của EC yêu cầu dữ liệu giáo viên của ba năm gần đây nhất phải có trong SARC, vì dữ liệu có sẵn. Dữ liệu giáo viên cho SARC năm học 2022 – 2023 sẽ không có trước ngày 1 tháng 2 năm 2024, do đó không được đưa vào mẫu.

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	0	0
Bổ nhiệm sai	0	0
Các vị trí còn trống	0	0
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai	0	0

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận	0	0
Tùy chọn phân công nội bộ	0.8	2.0
Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn	0.8	2.0

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

Phân công lớp học

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	0	0
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	0	0

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Cập nhật Định nghĩa Vốn chủ sở hữu của Giáo viên tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác năm học 2023 – 2024

All textbooks used in the core curriculum are aligned with the California Content Standards and Frameworks per the adoption process outlined by the state. Once the State Board of Education adopts standards-based instructional materials, the District field tests materials and then adopts according to Board Policy. There are sufficient materials at each school that are used to support core instruction. The adoption cycle has been adhered to and newly adopted materials are readily accessible to all students. All schools use adopted materials and site-specific supplemental resources.

Tháng, năm thu thập dữ liệu

10/2023

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
Độc/Ngôn ngữ	McGraw-Hill Study Sync Adoption Year 2017	Yes	0
Toán	Houghton Mifflin Harcourt Big Ideas Math Adoption Year 2015 McGraw-Hill Glencoe Math: Algebra 1/Geometry Adoption Year 2015	Yes	0
Khoa học	McGraw-Hill California Inspire Science Adoption Year 2021	Yes	0
Lịch sử-Khoa học Xã hội	Glencoe/McGraw-Hill Glencoe Discovering Our Past Adoption Year 2006	Yes	0
Ngoại ngữ	Pearson Prentice Hall Realidades - Level I Adoption Year 2007	Yes	0
Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9-12)	Không có thông tin	Không có thông tin	

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

In November of 2016, the Ocean View School District (OVSD) passed Measure R, a general obligation bond, in the amount of 169 million dollars. This is the first bond ever passed in the 143 year history of OVSD. The bond program is designed to transform the aging fleet of 1960/1970 era schools into modern, contemporary learning environments. Construction started in June 2018 and anticipate completion in the 2024 school year. Vista View students attended school at the Interim Site for the 2021-22 school year, and moved to the newly modernized campus in September of 2022.

The District uses a systematic approach to maintaining the current facilities to ensure that all schools are clean, safe, and provide an inspirational educational environment for our students to learn, grow, and be challenged. District maintenance and site custodial staff work in a coordinated manner to ensure that the repairs and operational items necessary to keep the schools in good condition are completed in a timely manner. A comprehensive work order system is used by school and District staff to communicate both routine and non-routine maintenance requests. Emergency repairs are given the highest priority.

From an operational perspective, the custodian inspects the facilities for safety hazards or other conditions that need attention prior to students and staff entering school grounds. One full-time day custodian and one or two part-time evening custodian(s) are assigned to each school site. The day custodian is responsible for:

- Lunch area
- General grounds maintenance
- Grounds keeping
- Restroom cleaning

Restrooms are checked throughout the day for cleanliness and subsequently cleaned as needed. The evening custodian is responsible for:

- Classroom cleaning
- Office area cleaning
- Restroom cleaning

The principals are in continual communication with the Maintenance and Operations Supervisors and custodial staff concerning maintenance and school safety issues.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

11/2023

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốc độ Tốt	Tốc độ Bình thường	Tốc độ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cổng rãnh	X			
Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong	X			
Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			
Điện	X			
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			
Bảo vệ: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			

Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
X			

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).

Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Môn học	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	49	46	58	58	47	46
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	39	41	49	51	33	34

2022-23 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thảm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	585	579	98.97	1.03	45.77
Nữ	299	295	98.66	1.34	54.24
Nam	285	283	99.30	0.70	36.75
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	167	166	99.40	0.60	71.08
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	323	318	98.45	1.55	31.13
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	21	21	100.00	0.00	80.95
Người Da trắng	58	58	100.00	0.00	43.10
Sinh viên nói tiếng anh	163	159	97.55	2.45	6.29
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	58	58	100.00	0.00	44.83
Quốc phòng	31	31	100.00	0.00	32.26
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	462	458	99.13	0.87	40.17
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	102	99	97.06	2.94	11.11

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	585	581	99.32	0.68	40.62
Nữ	299	297	99.33	0.67	43.77
Nam	285	283	99.30	0.70	37.10
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	167	166	99.40	0.60	71.08
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	323	320	99.07	0.93	25.00
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	21	21	100.00	0.00	66.67
Người Da trắng	58	58	100.00	0.00	32.76
Sinh viên nói tiếng anh	163	161	98.77	1.23	9.94
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	58	58	100.00	0.00	32.76
Quốc phòng	31	31	100.00	0.00	35.48
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	462	459	99.35	0.65	35.08
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	102	99	97.06	2.94	9.09

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm CAST và CAA. “Phần trăm đáp ứng hoặc vượt qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của CAST cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3 - Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

Môn học	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Khoa học (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	28.21	28.92	41.88	43.94	29.47	30.29

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm Không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	171	170	99.42	0.58	29.41
Nữ	78	77	98.72	1.28	32.47
Nam	93	93	100.00	0.00	26.88
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	60	60	100.00	0.00	45.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	0	0	0	0	0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	81	80	98.77	1.23	16.25
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	19	19	100.00	0.00	36.84
Sinh viên nói tiếng anh	36	36	100.00	0.00	5.56
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	13	13	100.00	0.00	7.69
Quốc phòng	15	15	100.00	0.00	20.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	133	133	100.00	0.00	24.81
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	34	33	97.06	2.94	9.09

Chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật năm học 2022 – 2023

Tham gia chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật (CTE) năm học 2022 – 2023

Tiêu chuẩn Đo lường	Tham gia Chương trình CTE
Số Học Sinh Tham Gia CTE	
Phần trăm học sinh hoàn tất một Chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	
Phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học cơ sở	

Ghi danh khóa học/hoàn thành

Bảng này cho biết việc ghi danh khóa học/hoàn thành các yêu cầu nhập học của Đại học California (UC) và/hoặc Đại học Bang California (CSU).

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần trăm
Học sinh ghi danh vào các khóa học bắt buộc để vào UC/CSU năm học 2022 – 2023	
Học sinh tốt nghiệp đã hoàn thành tất cả các khóa học bắt buộc để vào UC/CSU năm học 2021 – 2022	

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

Kết quả kiểm tra thể chất Tiểu bang California năm học 2022 – 2023

Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất Tiểu bang California. Công tác quản lý PFT trong các năm học 2021 – 2022 và 2022 – 2023, chỉ yêu cầu kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiếu khí	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
Lớp 7	96.6%	95.2%	94.7%	94.7%	95.2%

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2023 – 2024

Parents are encouraged to be involved in their child's learning experience by volunteering in the classroom, participating in decision-making processes, and attending school events. At Vista, we strongly encourage and foster partnering relationships with parents, students, teachers, and administration. Parents of our Falcons have an open-door policy to administration as we work to ensure we are providing the best environment for each student academically and meeting their social and emotional needs.

Parents stay informed of upcoming events and school activities through email, flyers, letters, newsletters, parent conferences, progress reports, the school marquee, the school website, and the automated communications system which pushes informational messages to parents via text message, phone, and email. The Aeries Parent Portal system allows students and parents to find information on past and upcoming assignments, attendance, and grades. Contact any school office staff member at (714) 842-0626 for more information on how to become involved in your child's learning environment.

Opportunities to Volunteer

- Chaperone Field Trips
- Classroom Helper
- Fundraising Activities
- Library Helper
- Office Helper

Committees (via Zoom or in person)

- English Learner Advisory Council (ELAC)
- Parent Teacher Student Organization (PTSO)
- School Site Council (SSC)

School Activities

- Back to School Night
- Open House
- Parent Engagement Events
- PRIDE Activities
- ASB Activities
- Student Performances
- Student Recognition Assemblies
- Year-end Assemblies
- Annual Title I Meeting
- LCAP Parent Meeting
- Principal's Coffee
- PBIS Monthly Award Assemblies

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Trung học 2022-23	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Tỷ Lệ Bỏ Học							9.4	7.8	8.2
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp							83.6	87	86.2

Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
Bất kỳ học sinh	0.0	0.0	0.0
Nữ	0.0	0.0	0.0
Nam	0.0	0.0	0.0
Phi nhị giới			
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.0	0.0	0.0
Người gốc Châu Á	0.0	0.0	0.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0.0	0.0	0.0
Người Phi Luật Tân	0.0	0.0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0.0	0.0	0.0
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0.0	0.0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0.0	0.0	0.0
Người Da trắng	0.0	0.0	0.0
Sinh viên nói tiếng anh	0.0	0.0	0.0
Những đứa con nuôi	0.0	0.0	0.0
Vô gia cư	0.0	0.0	0.0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	0.0	0.0	0.0
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho	0.0	0.0	0.0
Học sinh khuyết tật	0.0	0.0	0.0

Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
Bất kỳ học sinh	611	607	127	20.9
Nữ	305	303	61	20.1
Nam	305	303	66	21.8
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	3	3	1	33.3
Người gốc Châu Á	170	170	11	6.5
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	8	8	1	12.5
Người Phi Luật Tân	3	3	0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	336	333	90	27.0
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	3	3	2	66.7
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	21	21	3	14.3
Người Da trắng	64	63	18	28.6
Sinh viên nói tiếng anh	182	179	53	29.6
Những đứa con nuôi	4	4	3	75.0
Vô gia cư	63	62	18	29.0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	480	476	115	24.2
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0.0
Học sinh khuyết tật	110	108	36	33.3

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.

Tốc độ	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Đình chỉ	1.10	7.12	5.40	0.16	1.69	1.98	0.20	3.17	3.60
Đuổi học	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.07	0.08

Tình trạng đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	5.4	0
Nữ	6.23	0
Nam	4.59	0
Phi nhị giới		
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0
Người gốc Châu Á	2.94	0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0	0
Người Phi Luật Tân	0	0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	7.44	0
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0	0
Người Da trắng	1.56	0
Sinh viên nói tiếng anh	8.79	0
Những đứa con nuôi	0	0
Vô gia cư	4.76	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	6.67	0
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0	0
Học sinh khuyết tật	5.45	0

Kế hoạch Đảm bảo an toàn Trường học năm học 2023 – 2024

The Comprehensive School Site Safety Plan was developed for Vista View Middle School in collaboration with School Site Council, local agencies, and the District Office, to fulfill the requirements of Senate Bill 187. Information from the School Climate Survey, and Parental Involvement Survey was also used in the creation of the plan. Required components of this plan include child abuse reporting procedures, teacher notification of dangerous pupil procedures, disaster response, procedures for safe arrival and departure from school, sexual harassment, bullying, progressive discipline, and dress code policies. The school's most recent school safety plan was reviewed, updated, and discussed with school staff in August electronically and in September of 2023 during an in-person meeting, and approved by the School Site Council on September 11, 2023.-----

D. Thông Tin Khác của SARC

Thông tin cần có trong SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

2020-21 Tiểu Học) Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
6	11	78	19	

2021-22 Tiểu Học) Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Các lớp học với quy mô nhỏ	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
6	19	31	18	5

2022-23 Tiểu Học) Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2022-23. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	0	0	0	0
1	0	0	0	0
2	0	0	0	0
3	0	0	0	0
4	0	0	0	0
5	0	0	0	0
6	24	16	41	4
Khác	0	0	0	0

2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	14	27	5	1
Toán	13	23	5	
Khoa học	13	23	7	
Khoa học Xã hội	13	21	7	

2021-22 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	20	11	6	4
Toán	19	10	6	2
Khoa học	25	6	5	3
Khoa học Xã hội	27	3	6	3

2022-23 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2022-23. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	25	6	4	5
Toán	26	3	6	5
Khoa học	27	3	8	4
Khoa học Xã hội	25	4	6	5

Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	1:6,807

Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	0.07
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	0
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	0.5
Nhà Tâm Lý Học	0.4
Nhân viên Xã hội	0.14
Y Tá	0.22
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	1.0
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	1.0
Khác	0.44

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm tài chính 2021 – 2022

Bảng này cho biết chi tiêu trung bình cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2021 – 2022 của nhà trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	5858.21	550.84	5307.37	83535
Học khu	Không có thông tin	Không có thông tin	5954.03	\$96,004
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-11.5	-8.3
Tiểu bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$7,607	\$89,574
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-21.6	-4.4

Các loại dịch vụ được tài trợ năm tài chính 2022 – 2023

In addition to state Local Control Funding Formula (LCFF) funding, Ocean View School District receives state and federal funding for special programs, including:

Federal Programs

Title I/Title II/Title III/Title IV

Medi-Cal

Special Education Funding

State Programs:

Lottery

Educator Effectiveness

Learning Recovery Emergency Block Grant

Discretionary Block Grant

Local Programs:

TUPE Grant Funding

Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm tài chính 2021 – 2022

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$44,629	\$54,215
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$82,165	\$86,843
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$110,496	\$111,440
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$135,954	\$140,851
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$143,114	\$147,065
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$0	\$142,189
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$260,916	\$252,466
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	37.35%	33.16%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	5.1%	5.15%

Khóa học cho Lớp nâng cao (AP) năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết phần trăm học sinh trong các khóa học AP tại trường.

Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP

Bảng này cho biết số lượng các khóa học AP được cung cấp tại trường có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp
Khoa Học Máy Tính	0
Tiếng Anh	0
Mỹ thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn	0
Ngoại ngữ	0
Toán	0
Khoa học	0
Khoa học Xã hội	0
Tổng số khóa học AP đã cung cấp Trường hợp có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.	0

Phát triển Chuyên môn

On early out Thursdays, our focus is on enhancing teacher capabilities. This includes a dedicated session for i-Ready and ongoing meetings aimed at improving the implementation of PBIS (Positive Behavioral Interventions and Supports). On the non-student day, November 1, 2023, our staff engaged in a Universal Design for Learning (UDL) session. Moreover, we conducted multiple writing professional development sessions tailored for both general education and special education ELA and math teachers. Our Vista Social and Emotional Learning team (SEL) actively participated in two professional development days and contributed to piloting an SEL curriculum specifically designed for middle schools across the District. In addition to these efforts, Vista consistently provides continuous training for the OVSD Multi-tiered System of Supports (MTSS) and incorporates English Language Development (ELD) into our ongoing training initiatives. Vista View staff participated in the following professional staff development activities:

Restorative Practices

i-Ready

The Energy Bus

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2021-22	2022-23	2023-24
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	2	1.0	3